

Người Công Giáo Việt Nam có một tên thánh. Tên thánh là tên của một vị thánh được Giáo Hội công nhận và cha mẹ lấy tên đó đặt cho con khi chịu phép rửa tội. Người miền Nam gọi tên thánh là tên báp-tít. Tên thánh bắt đầu xuất hiện từ Việt Nam vào khoảng giữa thế kỷ 16 khi các giáo sĩ Tây Phương đến truyền giáo và bắt đầu có người theo đạo. Tên Thánh chịu ảnh hưởng văn minh Kitô Giáo của Âu Châu nên ta cần phân biệt tên chính của người tây phương và tên thánh của người Việt Nam.

1. Ý nghĩa tên chính của người tây phương: Anh ngữ có 4 danh từ để chỉ tên riêng: một là tên rửa tội (baptismal name), hai là tên Kitô Giáo (Christian name), ba là tên thứ nhất (first name) bốn là tên đặt (given name). Các báp-tít danh từ này đều có nghĩa là tên mà tiếng Việt Nam

gọi là tên đặt, tên chính, tên riêng. Tên chính của người tây phương được đặt trong lễ rửa tội nên gọi là tên rửa tội

[\[1\]](#)

(Baptismal name). Tên chính của người tây phương gọi là tên Kitô Giáo (Christian name) vì các nước tây phương chịu ảnh hưởng văn minh Kitô Giáo, tuân theo lời khuyến cáo của Giáo Hội, lấy tên các thánh để đặt tên cho các cá nhân. Do vậy, mới có tên gọi tên thánh hay tên Kitô Giáo.

Tức là lấy tên thánh của người tây phương bắt nguồn từ tức là đặt tên trong Do Thái Giáo. Sau khi sinh con được một tuần, cha mẹ người Do Thái báo con cho giáo đường để cử hành nghi lễ đặt tên. Với con trai, nghi lễ đặt tên diễn ra trong nghi lễ cắt da quy định gọi là Bris. Tên được đặt gọi là tên thánh (sacred name) lấy từ các tên trong kinh thánh của Do Thái Giáo như Abraham, Jacob. Khi báo lễ đầu y, người Do Thái báo tức là đặt tên thánh, nhưng đến thế kỷ 12, các giáo sĩ Do Thái thay vì duy trì căn tính dân tộc đã buộc các tín hữu đặt tên thánh như tức là cứ truyền. Như đó, ngày nay người Do Thái mới có một tên thứ hai là tên thánh.

Từ điển Bách Khoa Công Giáo [\[2\]](#) , cho rằng từ cũ đặt tên thánh bắt nguồn từ quan niệm tình trạng con người được thay đổi. Nhân lãnh bí tích rửa tội là biến đổi sang con người mới. Do vậy, nhân tên thánh là chứng tích biến đổi và mới tâm linh. Trước khi rửa tội là vị tông đồ Paul của Kitô Giáo, sống vào thế kỷ I sau Công Nguyên, trước đây có tên là Saul, khi theo đạo Công Giáo đổi tên là Paul mà người Công Giáo Việt Nam gọi là thánh Phaolô.

Người Công Giáo bắt đầu đặt tên thánh từ thế kỷ giáo hội sơ khai. Công đồng Nicaea họp năm 325 cấm việc dùng tên các thần thánh không phải của Kitô Giáo đặt đặt tên. Đến thế kỷ Công đồng Tridentino họp năm 1563, Giáo Hội Công Giáo buộc giáo dân khi đặt tên riêng phải chọn tên thánh. Công đồng lưu ý các linh mục là khi làm phép rửa tội, mà gọi rửa tội theo cha mẹ thì đặt tên không hợp tình thần Kitô Giáo, thì vị linh mục đó phải thêm vào mới tên thánh, coi đó là tên thứ hai và ghi vào sổ rửa tội giáo xứ.

Theo Bách Khoa Từ điển Britannica, quy định trên của Giáo Hội Công Giáo nhằm chứng minh từ cũ của Giáo Hội Tin Lành, đức biến của Thanh Giáo, cho phép giáo dân nhân tên các nhân vật trong Cựu Ước làm tên chính, như các nhân vật Abraham, Samuel, Jacob. Rachel [\[3\]](#) .

Đến bộ giáo luật năm 1917, qua điều khoản số 761, Giáo Hội nhắc lại khoản luật cũ từ thế kỷ Công đồng Tridentinô. Đến bộ giáo luật mới ban hành năm 1983, người ta không thấy có điều khoản nào buộc người Công Giáo phải lấy tên thánh, mà chỉ quy định tên riêng của người phải phù hợp với ý nghĩa Kitô Giáo. Điều 855 của bộ giáo luật 1983 quy định:

Cha mẹ, người đỡ đầu và Cha Sở phải lựa chọn đặt đặt tên không phù hợp với ý nghĩa Kitô Giáo [\[4\]](#) .

Tại sao Giáo Hội Công Giáo từ lúc sơ khai đến nay đã quy định đặt tên các thánh đồ đặt tên cho các tín hữu? Giáo Hội đã ra quy định đặt tên trên vì 2 lý do:

Thứ nhất, giáo hội tiếp tục duy trì truyền thống của giáo dân thời sơ khai. Những giáo dân đầu tiên là dân nô lệ, không phải công dân La Mã và theo tục lệ, khi người nô lệ được giải phóng, trở thành công dân La Mã, thì họ lấy tên chủ nhân thuộc giai cấp quý tộc làm tên mình. Tuy nhiên, với tín đồ Kitô Giáo thời đó, họ không thiết tha với các tên của các ông chủ cũ vì họ là nhân của giai cấp quý tộc trong các cuộc cấm đạo. Đến khi khi một quý tộc trở lại đạo cho hàng trăm người nô lệ thì hàng trăm người đó có cùng tên với chủ cũ. Kết quả là tục lệ này không đáp ứng được nhu cầu phân biệt nên các người nô lệ được giải phóng lấy tên những người mà giáo hội Kitô Giáo nhận là thánh đồ đặt tên cho mình. Ví dụ: Thimotheus, Stephanos, Laurentius là các vị thánh đầu tiên. Đang khi Kitô Giáo phát triển, lan tràn cả Âu Châu thì đức vua La Mã bắt vào giai đoạn suy tàn. Họ thay đổi tên của La Mã mãi mãi đi, tên thánh trở nên phổ thông hơn.

Thứ hai, Giáo Hội Công Giáo muốn tôn trọng phẩm giá con người. Khi xưa số tên người Âu Châu còn ít, họ thay đổi tên họ của xuất hiện, thì để phân biệt các cá nhân, người Âu thường dùng tên mà người Anh Mỹ gọi là Nickname, người La Mã gọi là Agnomen, còn ta gọi là tên lót. Tên lót thường được đặt theo nét đặc biệt trên cơ thể hay tính tình của một người. Ví dụ tên lót của người Việt Nam: Ba Mập, Tờ Sún, Năm Trọc. Khi xưa tên lót rất phổ biến ở La Mã, Hy Lạp và có nghĩa là tên thêm vào tên chính. Tên lót thường có ý nghĩa rất tiêu cực [5], thường được người tên tục của người Việt Nam. Ví dụ các tên như Crassus nghĩa là người béo, Varus: người què, Baldie hay Calvin: người trọc đầu, Cecil: người mù, Claude hay Gladys: người què. Vì tên có nội dung họ tiếp phẩm giá con người, nên giáo hội đã ban hành luật buộc các linh mục khi làm phép rửa tội, gộp các truyền thống hợp tên có ý nghĩa tiêu cực, phải lấy một tên thánh đặt thêm vào.

Ngày nay, giáo dân Việt Nam cũng như giáo dân nhiều nơi trên thế giới vẫn nhận tên thánh vì còn giữ tinh thần bản giáo luật cũ. Tên thánh có thể được thay đổi khi chủ phép thêm số [6]. Theo giáo huấn của giáo hội, việc tín hữu nhận tên thánh nhằm hai mục đích: thứ nhất, để người đó bắt đầu công việc sáng thánh bên mẹ mẹ mà sống cuộc đời đức; thứ hai, để tín hữu đó được phù trợ nhờ lời cầu bầu của thánh bên mẹ mẹ. Hai mục đích trên được nói trong khoản giáo luật số 1186:

Vì mục đích cả vũ vũ nên thánh của dân Chúa, Giáo Hội khuyến khích mọi tín hữu, lấy tình

con cái, tôn kính đức bà t Đức Maria hằng phúc tr n đ i đ ng trnh, M Thiên Chúa đã đ c Đức Kitô đ t làm M c a loài ng i, cũng v y, Giáo H i c đ ng lòng tôn kính chân chính và thành th c đ i v i các thánh, vì l các tín h u đ c kiên v ng nh g ng sáng và đ c nâng đ b i l i b u c c a các ngài [7].

2. Ý nghĩa tên thánh đ i v i ng i Công Giáo Việt Nam Th c ra, tên mà ng i Việt Nam g i là tên thánh thì t i các n c tây ph ng ch u nh h ng Kitô Giáo, g i là tên r a t i (Baptismal name) hay tên chính do b m đ t [8]

S dĩ ng i Công Giáo Việt Nam, Đ i Hàn, Nh t B n, Trung Hoa và các n c truy n giáo khác Phi Châu hay M Châu có thêm tên thánh mà ng i tây ph ng không có, là vì các giáo sĩ tây ph ng đ n Việt Nam cũng nh các n i truy n giáo khác, đã áp đ ng tinh th n giáo lu t, đ t tên thánh cho giáo dân nh đã làm cho giáo dân tây ph ng.

Trái l i, đ c ti u s hàng giáo ph m Công Giáo tây ph ng, ta không th y v nào có h n m t tên thánh riêng bi t nh ki u tên ng i Công Giáo Việt Nam. N u đ c H ng Y Ph m Minh M n có h n m t tên thánh riêng là Gioan Baotixita, thì đ c Giáo Hoàng Bênêđictô XVI không có tên thánh riêng. Tên ngài là Joseph Ratzinger. Joseph v a là tên riêng v a là tên thánh. Ratzinger là tên h . T i San Jose, California , giáo x c a tôi có linh m c Kevin Joyce. Kevin là bi n th c a tên Kelvin. Kelvin là tên con sông Tô Cách Lan [9]. Linh m c Kevin Joyce không có tên thánh.

V y quy t đ nh trên c a các giáo sĩ th a sai đ i v i dân Việt Nam là đúng hay sai? N u đ t vào b i c nh hi n nay thì đó là đi u không ch p nh n đ c vì tên ng i Việt Nam hi n nay không h đ c đ t ra đ h ph m giá con ng i nh ki u ng i Hy L p, La Mã ngày x a. Tuy nhiên, n u đ t vào b i c nh Việt Nam trong th k 16 thì quy t đ nh c a các th a sai có th t m ch p nh n vì phong t c dân gian lúc đó còn dùng nh ng tên t c t iu đ t cho nh ng đ a tr m i sinh đ tránh tà ma. Lo i tên này g i là tên t c nh con H m, th ng Cu.

Hi n nay, ng i Công Giáo Việt Nam th ng ch n tên các thánh nam gi i cho phái nam và thánh n gi i cho phái n . Ngoài ra, vì s hi u bi t c a giáo dân còn h n ch v s các thánh nên ng i ta th ng ch n các thánh th i Chúa Giêsu nh Phêrô, Phaolô, Gioan, Maria, Anna làm tên thánh. Ngày nay, Giáo H i Việt Nam có 118 v thánh t đ o. Tuy nhiên, giáo dân Việt v n ch a có thói quen nh n tên các thánh T Đ o Việt Nam làm b n m ng. Ng i Công Giáo

có tác máng ngày lá bán máng là ngày mà toàn thá Giáo Hội Công Giáo trên thá giới táng nhá tái vá thánh đó. Khi chát, ngái Công Giáo không dùng tên húy hay tên riêng mà dùng tên thánh đá cáu nguyán cho ngái quá cá. Nhá vậy, xét vá bán chát, tên thánh cũng có chác năng nhá tên tháy, tên hèm hay tên cúng cám là các tên đá ngái sáng nhác đán và cáu nguyán cho ngái đã chát.

[1] Elsdon C. Smith. Elsdon C. Smith. The Story of Our Names. Gale Research Co. Detroit, 1970. Tr. 1.

[2] www.newadvent.org

[3] The New Encyclopaedia Britannica. 15th edition, 1991, táp 24, tr. 730.

[4] Đác Ông Nguyễn Văn Pháng (dách) Giáo Luát. Nguyễn Văn Trái Tim Đác Má, Carthage, 1987, tr. 291.

[5] Elsdon C. Smith. The Story...Sđđ. Tr. 76-77.

[6] Elsdon C. Smith. The Story...Sđđ. Tr. 76-77.

[7] Bá Giáo Luát. Sđđ. Tr. 385.

[8] Elsdon C. Smith. The Story...Sđđ. Tr. 1.

[\[9\]](#) Patrick Hanks & Flavia Hodges. First Names. Oxford University Press, 1996. tr. 140